

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

“V/v Tranh chấp HNGĐ

- xin ly hôn, nuôi con chung ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2022/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh năm: 1988. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn L - Sinh năm: 1984. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh L thông qua người mai mối, sau đó gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 20/10/2008 (âm lịch). Đến năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G. Vợ chồng hạnh phúc gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh L không có trách nhiệm với gia đình, thường tham gia cờ bạc. Ngoài ra anh L có hành vi bạo lực đối với chị, thường bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh

phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị T cương quyết yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Yên N- sinh ngày: 19/7/2009 và Lê Văn L1 - sinh ngày: 28/9/2016. Hiện 02 con đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn - anh Lê Văn L trình bày: Anh và chị T chung sống vẫn hạnh phúc, vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn. Chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do còn thương vợ và con. Về con chung: Anh tôn trọng theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó tự chịu trách nhiệm nuôi, vợ chồng tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, anh L không trình bày ý kiến, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L. Về con chung: cháu N trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với chị T. Hiện cháu Như và cháu L1 đang chung sống ổn định với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con. Do đó đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao 02 cháu N và L1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: do đương sự không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí, buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh Lê Văn L. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh L có bản tự khai trình bày ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Văn L cưới nhau vào năm 2008, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh L đã ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....”*. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đồng ý ly hôn với chị T nhưng không đưa ra được giải pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, không tham gia phiên hòa giải. Căn cứ chị T đưa ra ly hôn anh L không phản đối nên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Văn L.

[2.2] Về con chung:

Chị T và anh L cùng xác định có 02 con chung tên Lê Thị Yến N- sinh ngày: 19/7/2009 và Lê Văn L1 - sinh ngày: 28/9/2016. Hiện 02 con đang chung sống với chị T. Chị T cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu N trên 07 tuổi, cháu có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị T. Xét thấy hiện các cháu đang chung sống ổn định với chị T, chị T đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con, anh L cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con, không tranh chấp nên yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị T là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008018 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Yến N- sinh ngày: 19/7/2009 và Lê Văn L2 - sinh ngày: 28/9/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008018 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 31/7/2023, anh L được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An